

Bản án số: 133/2022/HS-PT

Ngày: 19/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hà; bà Hoàng Thị Hải Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 184/2022/TLPT-HS ngày 04/7/2022 đối với các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Đức T**, sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Giới T: Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố Trong, thị trấn Cao Th, huyện T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: Phạm Đức Bộ, sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Đặng Thị V, sinh năm 1960; Vợ: Lương Thị H, sinh năm 1991; Điều trú tại: Tổ dân phố Trong, thị trấn Cao Th, huyện T, tỉnh B; Con: Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016); Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 4; Tiền án. tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2022 đến ngày 16/01/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1967; Tên gọi khác: Không; Giới T: Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đình, thị trấn Cao Th, huyện T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Họ và tên cha: Nguyễn Duy Kh(đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Nh (đã chết); Vợ: Ngô Thị H; Con: Bị cáo có 03 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2004); Gia đình bị cáo có 07 anh, chị em, bị cáo

là con thứ 04; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2022 đến ngày 16/01/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

(Trong vụ án còn có các bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00, ngày 10/01/2022, Nông Văn C, sinh năm 1981, trú tại Tổ dân phố Đồi Đỏ, thị trấn Cao Th, huyện T cầm theo 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đến nhà Nguyễn Văn T, sinh năm 1967, trú tại Tổ dân phố Đình, thị trấn Cao Th, huyện T chơi và ngồi uống nước. Một lúc sau có thêm Trần Phước Đ, sinh năm 1991, nơi cư trú Đội 11 (nay là thôn Phú Bình), xã Nghĩa Bình, huyện N H, tỉnh N cùng Phạm Đức T, sinh năm 1988, trú tại Tổ dân phố Trong, thị trấn Cao Th, huyện T đến nhà T ngồi uống nước. Khoảng 15 phút sau, T rủ C, Đ đánh bạc bằng hình thức chơi “Liêng” theo mức góp gà một ván là 10.000 đồng, tổ tối đa không quá 50.000 đồng được C và Đ đồng ý. T hỏi T “Cho cháu chơi tý”, T đồng ý và nói “Đánh thì nói bé thôi”. Sau đó, C lấy bộ bài tú lơ khơ đem theo và trải chiếu xuống nền nhà T và cùng T, Đ đánh bạc. T, C, Đ cùng nhau đánh bạc được khoảng 15 phút thì lần lượt có Trần Quang T, sinh năm 1987, trú tại Tổ dân phố Trong, thị trấn Cao Th, huyện T; Trần Quang Th, sinh năm 1979, trú tại thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện T đến nhà T thấy có hoạt động đánh bạc, T và Th vào tham gia đánh bạc cùng T, C, Đ. Trong quá trình đánh bạc, T, Đ, C, T, Th góp mỗi người 50.000 đồng (tổng số tiền 250.000 đồng) để T cầm đưa cho Nguyễn Văn T chủ nhà. Các đối tượng T, Đ, C, T, Th cùng nhau đánh bạc đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- Thu trên chiếu bạc số tiền 6.270.000 đồng và 52 quân bài tú lơ khơ.
- Thu tại giữa nền nhà 01 chiếu cói trên mặt chiếu có chữ “HẠNH PHÚC”.
- Thu giữ của Phạm Đức T gồm: 01 ví da màu nâu tại túi quần phía trước bên phải không có đồ vật, tài sản gì; Thu tại vị trí trước mặt T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen có IMEI1: 865552042070676/01; số IMEI2: 865552042070684/01, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.
- Thu giữ của Nông Văn C gồm: Thu giữ tại túi ngực bên trái phía ngoài 01 ví da màu đen, bên trong ví không có đồ vật, tài sản gì; 01 máy T bảng Samsung Galaxy Tab 3, màu trắng màn hình trước bị vỡ, có IMEI: 358020053368607/01.
- Thu giữ tại vị trí trước mặt Trần Quang T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số IMEI: 3556737082250488, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Thu giữ tại túi quần phía trước bên phải Trần Phước Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số IMEI1: 869563049255497; số IMEI2: 869563049255489.

- Thu giữ của Nguyễn Văn T 01 ví da màu đen, bên trong có số tiền 350.000 đồng.

Cơ quan điều tra Công an huyện T đã chứng minh tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.520.000 đồng, bao gồm: số tiền 6.270.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và số tiền 250.000 đồng mà 5 bị cáo góp đưa cho T chủ nhà.

Trong giai đoạn điều tra, cả 5 bị cáo đều thành khẩn khai báo, thừa nhận T bộ hành vi phạm tội của mình. Trần Quang T khai sử dụng số tiền 2.350.000 đồng để đánh bạc, Trần Văn Th khai sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, Phạm Đức T khai sử dụng số tiền 1.110.000 đồng để đánh bạc, Trần Phước Đ khai sử dụng số tiền 930.000 đồng để đánh bạc, Nông Văn C khai sử dụng số tiền 130.000 đồng để đánh bạc.

* Với nội dung trên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã xét xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Đức T

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 11/01/2022 đến ngày 16/01/2022) vào thời gian chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Văn C.

Xử phạt bị cáo Nông Văn C 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 11/01/2022 đến ngày 16/01/2022) vào thời gian chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 11/01/2022 đến ngày 16/01/2022) vào thời gian chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Quang T.

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ

thẩm 23/5/2022. Giao bị cáo cho UBND thị trấn Cao Th, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Th.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/5/2022. Giao bị cáo cho UBND xã Ngọc Châu, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Phước Đ.

Xử phạt bị cáo Trần Phước Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/5/2022. Giao bị cáo cho UBND xã Nghĩa Bình, huyện N H, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp các bị cáo T, Th, Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/5/2022, bị cáo Phạm Đức T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/6/2022, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T trình bày: Bị cáo không có ý kiến gì về tội danh. Bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo là xin được hưởng án treo. Bị cáo đã nộp T bộ tiền phạt và tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm và cung cấp Biên lai nộp tiền cho Tòa án. Bố đẻ bị cáo là ông Phạm Đức Bộ có huân chương kháng chiến nhưng đã làm mất. Gia đình bị cáo được Chủ tịch UBND xã C Th, huyện T tặng giấy khen nhưng lại ghi nhầm tên là “Hộ gia đình ông Phạm Văn T”. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến huân chương của bố đẻ bị cáo và giấy khen của Chủ tịch xã, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ khác để cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên tòa.

- Bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo không có ý kiến gì về tội danh. Bị cáo xin khai nhận T bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tại cấp sơ thẩm, do không hiểu biết pháp luật nên bị cáo không thừa nhận việc cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình và không thừa nhận việc có nhận số tiền 250.000 đồng tiền hồ của các bị cáo khác. Nay bị cáo đã rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm. Đối với tiền phạt, bị cáo nhất trí nộp nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo xin nộp dần. Bỏ để bị cáo là ông Nguyễn Duy Kh đã tham gia kháng chiến và được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tất cả các tình tiết trên, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B sau khi phân tích T chất hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp kháng cáo của các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức T 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 01 năm 04 tháng T từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn thử thách 01 năm T từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND thị trấn Cao Th, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng được lượng khoan hồng của pháp luật, được hưởng án treo để có cơ hội cải tạo, lao động tại địa phương, cam kết không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về T hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác định là đơn kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo T, C, T, Th, Đ tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 10/01/2022, tại gia đình Nguyễn Văn T, sinh năm 1967, trú tại tổ dân phố Đình, thị trấn Cao Th, huyện T, tỉnh B; Công an huyện T, tỉnh B phát hiện và bắt quả tang Trần Quang T, Trần Văn Th, Nông Văn C, Phạm Đức T, Trần Phước Đ đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi “liêng”, được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.520.000 đồng.

Đối với bị cáo T, tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận: khi T hỏi đánh bài tại nhà bị cáo thì bị cáo đồng ý và chỉ cho đánh bài vui; không thừa nhận việc cho các bị cáo khác đánh bạc ăn tiền tại nhà mình và không thừa nhận việc có nhận số tiền 250.000 đồng tiền hồ của các bị cáo khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai nhận T bộ hành vi đã nêu trên, rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã xét xử các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Đức T:

Bị cáo T có nhân thân tốt; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thời gian tham nghĩa vụ quân sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án, bị cáo có vai trò là người khởi xướng hành vi phạm tội. Tòa án sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết trên, xử phạt bị cáo T 8 tháng tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp.

Trước phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có xuất trình: Biên lai nộp T bộ tiền phạt và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần áp dụng b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp kháng cáo của bị cáo Phạm Đức T, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T:

Bị cáo Tài không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng không thành khẩn khai báo tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết trên, xử phạt bị cáo Tài 6 tháng tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai nhận và ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo còn cung cấp giấy xác nhận của Sở Nội vụ tỉnh B về việc bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Duy Kh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo Tài có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần áp dụng b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức T 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng T từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 năm T từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND thị trấn Cao Th, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKSND, TAND H. Tân Yên;
- Chi cục THADS H. Tân Yên; `
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hương Giang